

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HN-ST

Ngày: 08-01-2024

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Nhắc

2. Bà Trần Thị Sầm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 327/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2023, về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 510/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: 59/160/41 T, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Châu Th, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị T, anh Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/7/2023, trong quá trình tố tụng, chị Trần Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Nguyễn Châu Th. Lý do: Chị và anh Nguyễn Châu Th do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2013. Thời gian đầu có hạnh phúc, cuộc sống hòa thuận khoảng 05

năm. Nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn hay cự cãi nhau về lý do anh Th cờ bạc, chị khuyên nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Vợ chồng không có tiếng nói chung, quá trình sống chung không vui vẻ. Chị và anh Th không còn sống chung khoảng 05 năm nay, không có gặp nhau để hàn gắn hay liên lạc. Nay tình cảm đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thùy D, sinh ngày 29/4/2013. Chị yêu cầu để con cho anh Th nuôi khi ly hôn. Vì con từ nhỏ đến nay sống chung với ông bà nội và cha. Con cũng có nguyện vọng được sống chung với cha. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, tính từ tháng 01/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Châu Th vắng mặt, không lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T; Con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thùy D, sinh ngày 29/4/2013. Khi ly hôn, anh Nguyễn Châu Th trực tiếp nuôi con. Chị T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng, tính từ tháng 01/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi nên ghi nhận. Tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, anh Th vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Trần Thị T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”; Trong đó xác định chị Trần Thị T là nguyên đơn, anh Nguyễn Châu Th là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của chị Trần Thị T có đơn xin vắng; anh Nguyễn Châu Th vắng mặt lần thứ 2, không có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Trần Thị T và anh Nguyễn Châu Th là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T, thấy rằng:

Chị T yêu cầu xin ly hôn với anh Th. Anh Th vắng mặt, không lời trình bày.

Khi thực hiện xác minh, người thân của anh Th cho biết thông tin: Hôn nhân của anh Th và chị T có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung tại xã T, huyện Mô Cày Nam. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn do anh Th đi làm xa nhà, nảy sinh mâu thuẫn ghen tuông. Sau đó, chị T cũng đi làm xa nhà, cách khoảng 02 – 03 năm nay. Từ đó, vợ chồng xa cách, hết tình cảm nên chị T ly hôn. Được biết, anh Th cũng đồng ý ly hôn vì hiện nay chị T đã có tình cảm mới. Hiện nay anh Th sống chung với cha mẹ ruột và em gái, gia đình kinh tế bình thường. Anh Th đi làm, mỗi tuần về nhà 02 -03 lần. Con gái của anh Th và chị T cũng sống cùng ông bà nội, cô ruột và cha, đang đi học tại địa phương. Anh Th cũng muốn nuôi con, đảm bảo nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Khi thực hiện xác minh, chính quyền địa phương cho biết thông tin: Địa phương không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải nên không rõ mâu thuẫn vợ chồng. Các nội dung khác đúng như người thân của anh Th trình bày. Hiện nay anh Th đi làm vắng nhà trong giờ hành chính, gia đình kinh tế bình thường, ý thức chấp hành pháp luật ở địa phương tốt, không có tệ nạn xã hội. Con gái của anh Th cũng đang sống cùng với cha và ông bà nội tại địa phương.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Th là có thật. Nguyên nhân bắt nguồn từ mâu thuẫn vợ chồng, từ việc bất đồng quan điểm, cãi vã nhau. Theo chị T cho rằng là do anh Th cờ bạc, chị khuyên nhiều lần nhưng không sửa đổi. Theo người thân của anh Th là do vợ chồng ghen tuông do anh Th đi làm xa và hiện nay chị T có tình cảm với người khác. Thấy rằng, vợ chồng cũng đã có thời gian dài không sống chung nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay chị T kiên quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện triệu tập để cho vợ chồng hòa giải đoàn tụ nhưng anh Th vắng mặt không đến Tòa nên không thể tiến hành hòa giải cho anh chị hàn gắn, đoàn tụ được. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thùy D, sinh ngày 29/4/2013. Khi ly hôn, chị T đề nghị để anh Nguyễn Châu Th trực tiếp nuôi con. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, tính từ tháng 01/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Thấy rằng, con từ nhỏ đã sống chung với cha và gia đình bên nội. Khi chị T không còn sống chung thì con cũng tiếp tục ở với cha, đã ổn định cuộc sống. Hiện nay con cũng đang đi học tại địa phương. Khi thực hiện xác minh xác định anh Th đảm bảo đủ điều kiện nuôi con. Khi hỏi ý kiến, cháu D cũng có nguyện vọng sống

với anh Th và ông bà nội nên để anh Th trực tiếp nuôi con là phù hợp. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, tính từ tháng 01/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh Th vắng mặt, không lời trình bày. Nhằm đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị T.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Trần Thị T trình bày không có, anh Nguyễn Châu Th vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị T trình bày không có, anh Nguyễn Châu Th vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con, chị T chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Châu Th.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thùy D, sinh ngày 29/4/2013. Khi ly hôn, anh Nguyễn Châu Th được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận chị Trần Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, tính từ tháng 01/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ... theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Trần Thị T trình bày không có, anh Nguyễn Châu Th vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị T trình bày không có, anh Nguyễn Châu Th vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) và án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Trần Thị T phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001148 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Chị Trần Thị T phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng